SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

BESTFIT3 S3

BESTFIT3S3

Giày bảo h ộ **Chelsea**

Giày bảo h ộ S3 thoáng khí, mũi thép, đế chống tĩnh điện, lót bên trong PU/PU mềm và êm ái và đế ngoài PU/PU nhẹ và hấp thụ số c t ui. yệ t v ờ

BLK

CO2
12.01 kg

Những vật liệu cao cấp hơn	Da nappa siêu nhỏ
ót bên trong i tái chế	lưới
rong Đ ệm chân SJ	Memory Foam
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5 JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315
ng lượng t thép	0.650 kg
ẩn hiệu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

Mặt **trên** bằng **da thoáng khí** Da tự nhiên thoáng khí các ứng dụng linh hoạt

& nhiên đầu é ngoài có khả năng và nhiên liệu.

Tay nắm bậc **thang (LG)** Đường viền được xác định đặc giày an toàn để tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.

mũi chống **mài mòn (SC)** Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở giày an toàn

Cách điện lạnh **(CI)** Giày bảo hộ cách nhiệt (CI) đôi chân được mặc trong môi

(SR) Chống t dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử được thực hiện trên và dầu

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n:

lĩnh vự c ô tô, Hoá h ọạch ọ , Xây dự n g, Thự ợ ẩm & Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

r ườ n môi khô, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi bùn

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách nhiệ Không

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết ả	đơn vị u	đo lườ q
Nhữ n g vật l iệu Da nappa siêu nh ỏ cao cấp h ơn					
	Top: khả năng thấm hút mồ hôi	? 0.8	2.8	mg/cm/giờ	
	Top: hi nuệ số ơ	? 15	30.6	mg/cm2	
ót bên trong	i tái ch ế				
	L ớp lót: thấm hút mồ hôi	? 2	86.31	mg/cm/giờ	
	lót: hi nuệ số ơ	? 20	691	mg/cm2	
rong Đ ệ m chân SJ Memory Foam					
	ệ m chân Độ bền mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ	
goài Đ PU / PU					
	Ch ố trượt (mài mòn)	? 150	137	mm	
	Chư ố trượt trên gót bằng - Ceramic + NaLS - Trượt lùi về phía t	? 0.31	0.4	ma sát	
	rư Gót có mặt bằng - Gốm + NaLS - Trượt lùi về phía t	? 0.36	0.41	ma sát	
	rư Gót SR - Gốm + Glycerin - Trượt về phía t	? 0.19	0.29	ma sát	
	Chư ố trượt SR trên G Gốm + Glycerin - Trượt về phía t	? 0.22	0.3	ma sát	
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	33.6	megaohm	
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm	
	Hấp thụ năng l ượng gót chân của	? 20	30	J	
Đ ứ n g đầ Thép					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (khoảng cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm	
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (khoảng h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm	
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (khoảng cách sau va đập 200J)	? 14	15	mm	
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (khoảng h ở sau khi nén 15kN)	? 14	20.5	mm	

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có thể hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự miêu t ả	ết ả	đơn vị u	đo lườ q
i CO phát thả				
	V ật l iệu		9.73	kg
	Bao bì		0.13	kg
	ất Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
			12.01 kg CO2/ cặp	

	Sự miêu t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l Tiệ tái ch ế				
	Product		7%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.